

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải;

Ông Trần Quốc Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15-8, 06-9-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Hoàng T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L vắng mặt có đơn, anh T vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết L: Vào năm 2014, chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 27-02-2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 giữa chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống từ đó không có tiếng nói chung trong gia đình, không còn thương yêu, chăm sóc cho nhau. Từ tháng 10-2023 đến nay chị L và anh T đã ly thân với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay chị **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Tuyết L** yêu cầu được ly hôn với anh **Trần Hoàng T**; Về con chung: có 01 con chung tên là **Trần Nguyễn Hoàng K**, sinh ngày 27-02-2015, chị **L** yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Trần Hoàng T**: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Tuyết L**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Tuyết L** được ly hôn với anh **Trần Hoàng T**.

Về con chung: Giao con chung tên **Trần Nguyễn Hoàng K**, sinh ngày 27-02-2015 cho chị **Nguyễn Thị Tuyết L** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị **L** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Anh **Trần Hoàng T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Tú lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **L** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **T**.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét.

Từ những phân tích trên: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn **Nguyễn Thị Tuyết L** có đơn xin vắng mặt; Bị đơn **Trần Hoàng T** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **L** và anh **T** sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T** ngày 09-5-2014 nên hôn nhân của chị **L** và anh **T** là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị **L** và anh **T** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung trong gia đình, không còn thương yêu, chăm sóc cho nhau nên chị **L** khởi kiện ly hôn với anh **T** tại Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh **Trần Hoàng T** và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh **Trần Hoàng T** không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Tuyết L** cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Tuyết L** nên yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Tuyết L** là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị **L** và anh **T** đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Tuyết L** đối với anh **Trần Hoàng T**.

[2.2] Về con chung: Chị **L** và anh **T** có 01 con chung tên **Trần Nguyễn Hoàng K**, sinh ngày 27-02-2015. Nay ly hôn chị **L** yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu **K** đang sống chung với chị **L** và có nguyện vọng sống chung với chị **L**, do anh **T** không ý kiến đối với yêu cầu của chị **L** và hiện tại anh **T** không có mặt tại phiên tòa, nên xét thấy yêu cầu của chị **L** phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên **Trần Nguyễn Hoàng K**, sinh ngày 27-02-2015 cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu **K**). Anh **Trần Hoàng T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị **Nguyễn Thị Tuyết L** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **Trần Hoàng T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh **Trần Hoàng T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **Nguyễn Thị Tuyết L** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **Trần Hoàng T** theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, vậy chị Nguyễn Thị Tuyết L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000050 ngày 21-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Tuyết L đã nộp đủ án phí. Anh Trần Hoàng T không phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với anh Trần Hoàng T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 27-02-2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu K). Anh Trần Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị Tuyết L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trần Hoàng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Trần Hoàng T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Tuyết L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Trần Hoàng T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị Tuyết L có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000050 ngày 21-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Tuyết L đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Hoàng T không phải chịu án phí.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương